

HỒNG HOANG LŨNG THŨNG

*Đôi mắt ướt tuổi vàng cung trời hội cũ
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn*

*Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan
Cười với nắng một ngày sao chóng thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng*

*Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
Bụi đường dài gót mỏi đi quanh
Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ
Suối rừng xa ngược nước xuôi ngàn.*

Những câu thơ đã theo tôi từ trên 50 năm nay, từ thuở học sinh tóc xanh mắt sáng cho đến lúc sắp “rửa tay, gác kiếm lên rừng”, từ những ngày mộng mơ đầy ấp, cho đến khi mộng vết không còn! Tôi không nhớ đã đọc chúng ở đâu, lúc nào, nhưng chính 4 câu mở đầu đã khiến tôi yêu cả bài thơ “Không đề” và chính bài thơ này đã khiến gã “tân sinh viên” mày mò đi tìm thân thế tác giả. Để rồi sau đó được đọc thêm một tác phẩm của người: “Tô Đông Pha, những phương trời viễn mộng”. “Người” là Tuệ Sỹ, “thiền sư” Thích Tuệ Sỹ (Phạm văn Thương / năm sinh thật 1945), 8 tuổi đã được gia đình gởi vào chùa Trang Nghiêm, Paksé (Lào), 9 tuổi, chính thức xuất gia (wikipédia).

Theo triết gia Phạm công Thiện (một người rất gần thầy Tuệ Sỹ), Tuệ Sỹ là pháp hiệu do ông tự đặt ra “có lẽ vì muốn theo gương của vị Đại Thiên Sư đời Trần Tuệ Trung Thượng Sỹ?” (PCT). Ông viết những câu thơ “Không đề” này ở tuổi hai mươi, trẻ nhất cũng là 1969, là năm thi sĩ Bùi Giáng ca tụng: “Chỉ một bài thơ, Tuệ Sỹ đã trùm lấp hết chân trời mới cũ Đường Thi Trung Hoa tới Siêu Thực Tây Phương!”. Tốt nghiệp phân khoa Phật Học, đại học Vạn Hạnh, năm 1965, năm 1970 ông được Thượng Tọa Thích Minh Châu, Viện Trưởng, mời làm Khoa Trưởng Phật Học và tư tưởng Đông Phương (1970–1973). Trước 75, về thầy Tuệ Sỹ, tôi chỉ biết có chừng đó!

Mãi đến 11/1988, tôi mới nghe lại tin thầy, qua một tuyên cáo chấn động của Trung Tâm Văn Bút VN, đăng trên báo Văn Học (số 34) của anh Nguyễn Mộng Giác: thầy Tuệ Sỹ Phạm văn Thương và thầy Trí Siêu Lê Mạnh Thát (tù CS từ 1/4/1984) vừa bị nhà nước CS Hà Nội (9/1988) tuyên án tử hình, thêm 17 tăng ni (trong đó có ni sư Trí Hải Phùng

Khánh, “thần tượng” của trung niên thi sĩ Bùi Giáng) và 2 sĩ quan VNCH (Phan Văn Tri, Tôn Thất Kỳ), bị kêu án, từ 4 năm đến tù chung thân khổ sai, với lý do “âm mưu lật đổ chính quyền”! Sự kiện này cho thấy cái lếu láo, ấu trĩ của luật pháp một chế độ tự xưng “ưu việt”: hai người lính cầm súng, không bị án tử hình như hai nhà Sư cầm bút! Và cái tội trạng “âm mưu lật đổ chính quyền” đưa ra, thật sự là cái tội “muốn giữ sự độc lập của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (miền Nam)”, không chịu sự kiểm soát của chính quyền. Thống Nhất không có nghĩa là “Quốc Doanh”!

Vụ án “Già Lam” là một trò hề lộ bịch, một dàn dựng rẻ tiền, của một chính thể độc tài!

Theo “quangduc.com”, “Do sự tranh đấu tích cực của các nhân sĩ trong và ngoài nước, cùng sự can thiệp của các cơ quan nhân quyền quốc tế, Hà Nội phải vội vã giảm án hai Thầy xuống còn 20 năm khổ sai, đem giam HT tại Xuân Lộc, Đồng Nai, sau đó chuyển riêng HT ra trại A-20 tỉnh Phú Yên. Tháng 10/1994, với sự phản kháng trong tù, HT bị nhà cầm quyền tách đưa ra trại giam Ba Sao, miền Bắc. Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ đã được Tổ chức Human Rights Watch trao giải thưởng tranh đấu nhân quyền (Hellman-Hammett Awards) cùng với 7 nhà đấu tranh khác vào ngày 03/8/1998.

Năm 1998, Hà Nội trả tự do cho Hòa thượng, cùng với một số người khác. Trước đó, HT đã tuyệt thực trong tù. Vì trước khi thả, nhà cầm quyền áp lực buộc HT ký vào lá đơn gửi ông Chủ tịch nước ‘xin khoan hồng’, HT đã trả lời nội dung: ‘Chúng tôi đã không công nhận giá trị của phiên tòa này, tính pháp lý của bản án này, các ông không có quyền giam giữ chúng tôi thì sao lại có quyền khoan hồng hay ân xá chúng tôi.’ Công an thuyết phục: không viết đơn thì không có lý do để thả được. HT đã khẳng khái đáp: ‘Đó là việc của các ông; nhưng nếu các ông cứ áp lực buộc chúng tôi ký đơn, tôi sẽ tuyệt thực phản đối.’ Và Hà Nội đã phải trả tự do cho HT vào ngày 01/9/1998, sau 10 ngày Thầy không ăn và tiếp theo cả không uống, tổng cộng 14 ngày. Hòa thượng Tuệ Sỹ tuyệt thực một mình, không có tổ chức, bên ngoài không biết. Thấy sức khỏe HT suy sụp nhanh chóng, chính quyền đã vội đưa bác sĩ vào xin điều trị, và đưa Thầy ra khỏi trại giam.

Ngày 02/9/1998, lúc 10:45g, Hòa thượng Tuệ Sỹ được đưa lên xe lửa về Nam. Ngồi suốt 36 tiếng đồng hồ trên xe với sức khỏe rất yếu sau khi tuyệt thực trong tù, HT không chịu nổi nên được đưa xuống ga Nha Trang, về tạm ở Phật học viện Hải Đức. Ít lâu sau công an lại ra lệnh HT phải về chùa Già Lam ở Sài Gòn, không được phép ở Nha Trang. Hòa thượng từ chối, viết một lá thư gửi cho nhà cầm quyền, nói ‘một là tôi tự do ở đâu tôi muốn, hai là vào tù trở lại, chứ mấy ông không thể thả tôi ra khỏi nhà tù nhỏ để nhốt tôi vào nhà tù lớn hơn là cả đất nước này’. Tin này lập tức được loan truyền trên báo chí hải ngoại thời đó.

Trước sau, Hòa thượng đã lãnh một án tử hình, 17 năm tù đầy và ba lần bị quản thúc, trải qua các nhà tù khắc nghiệt khắp nam trung bắc.”

Dù ốm yếu, hom hem (<45kg) hai Đại Đức: Tuệ Sỹ, Trí Siêu “thâm niên tù vụ” cũng “cao cấp” như một số hiếm hoi tướng lãnh VNCH: Trần bá Di, Lê minh Đảo, Đỗ kế Giai, Lê văn Thân, Trần quang Khôi, Mạch văn Trường! Dững tướng và dững tăng gặp nhau ở con số 17 (năm tù).

Trong một bài viết trên Khởi Hành hải ngoại, nhà thơ Viên Linh nhớ lại Vạn Hạnh “Ngũ Bả” (chữ của VL) thời xa xưa. Với Trung thần Thông (Viện trưởng) Thích Minh Châu, Bắc Cái Bùi Giáng, Tây Độc Phạm công Thiện, Nam “Đế” Ngô Trọng Anh (cựu Bộ Trưởng trong chánh phủ Nguyễn cao Kỳ, Phó viện trưởng Vạn Hạnh) và Đông Tà Tuệ Sỹ! Với ai, ông ký giả Viên Linh cũng có thể bông đùa, nhưng với Đông Tà “thì lòng tôi cứ trùng xuống, nói năng nhẹ đi, và cái nhìn của tôi không còn sắc cạnh nữa” (Khởi Hành 5/1999). Bởi vì người bạn Tuệ Sỹ (cùng trong ban Biên tập “Thời Tập” với Viên Linh) khác với tăng chúng mà ông gặp. “Đó là một người thật, và còn vượt hơn cả cái thật của con người.” (VL)

Tôi nghĩ, ông Viên Linh gọi người bạn (văn chương) Đại Đức là Đông “Tà”, không phải vì bạn có tánh tình “cổ quái”, mà vì có lắm tài hoa như Hoàng Dược Sư! Theo Viên Linh, thầy Tuệ Sỹ không những là một học giả uyên bác về Phật Giáo Nguyên Thủy và Đại Thừa, rất tinh thông chữ Hán, rành Pháp, Anh ngữ, đọc Đức ngữ, đọc được chữ Phạn, chữ Pali mà, ngoài tài văn, thơ, ông chủ bút tạp chí Tư Tưởng của Vạn Hạnh còn thổi sáo, chơi tây ban cầm, dương cầm! Thượng Tọa Thích Mãn Giác, phó Viện Trưởng Vạn Hạnh, lúc sinh tiền, vẫn hay nói “Tuệ Sỹ đã tu từ ngàn kiếp trước, Phật Giáo Việt Nam phải đợi tới 350 năm mới có một Thiền sư uyên bác như Tuệ Sỹ”. Cùng một ý nghĩ đó, học giả Đào Duy Anh, sau 1975 (6/1976), đã vào Nha Trang thăm Thầy và cũng đã cầm tay Thầy mà nói “Thầy là viên ngọc quý của Phật giáo và của Việt Nam.” (*)

Chỉ khi sang đây, tôi mới biết mặt Thầy Tuệ Sỹ qua một số ảnh đăng trên tờ Khởi Hành (hải ngoại). Sau này, trên internet, được xem nhiều ảnh Thầy, nhưng tấm tôi thích nhất là tấm Thầy chụp với thi sĩ (lớn) Sao Trên Rừng Nguyễn đức Sơn khi Thầy lặn lội lên Phương Bồi Am (Bảo Lộc) thăm bạn. Kẻ tục, người tăng cùng chia nhau một nụ cười con trẻ!

Thầy Tuệ Sỹ thân với anh Sao–Trên–Rừng có lẽ vì cả hai đều yêu thơ. Không những thế, theo tôi, đó là 2 tài thơ lớn. Anh Sao Trên Rừng có một chỗ đứng riêng trong thi ca Việt Nam (như Tô Thùy Yên, Du tử Lê, Bùi Giáng, v.v.) Thầy Tuệ Sỹ cũng vậy. Thầy là vị lãnh đạo Phật Giáo đầu tiên (Xử lý thường vụ Viện Tăng Thống) có những sáng tác thơ văn “Đạo–Đời” nổi tiếng!

Chưa có điều kiện tìm đọc các sáng tác văn chương, xin ghi lại đây vài bài thơ của Thầy, nhặt được trên internet:

Thất ngưu

*Ngưu thượng ngưu hệ đồng thượng đồng,
Đông ngưu bối hướng các tây đông.
Tiêm trần bất cách hà tiêu nhược,
Khoảng kiếp lai kim uổng tự mông.*

Cự Triệt thiên sư

Bản dịch Tuệ Sỹ:

Mắt trâu

*Chú, trâu, này chú nọ trâu
Chú, trâu hai ngả hai đầu đông tây
Bụi hồng cách một rèm mây
Thiên thu lơ lảo những ngày lang thang.*

(nguồn: thivien)

Thu Lai

*Đông phong kinh tâm tráng sĩ khổ
Suy đấng lạc vĩ đề hàn tổ
Thùy khan thanh giản nhất thiên thơ
Bất khiển hoa trùng phấn không đổ
Tư khiên kim dạ trường ưng trực
Vũ lãnh hương hồn điệu khách thơ
Thu phần quý xướng bảo gia thi
Hận huyết thiên niên thổ trung bích.*

Lý Hạ

Tuệ Sỹ dịch nghĩa:

*Gió heo may rợn hồn tráng sĩ
Lạnh se da, để rỉ đèn lu.
Dở trang bóng chữ lơ mờ
Mấy rây một phấn ơ hờ điểm hoa.
Buồn ray rứt kéo ra ruột thẳng
Khóc người thơ, mưa lạnh hồn ma
Tanh hôi giọng quỷ trên gò
Máu hồn thiên cổ xanh mồ cỏ thu.*

(Tuệ Sỹ, Thời Tập, 1973)

Như dịch giả ghi chú, đây chỉ là dịch nghĩa. Dịch giả dùng thể song thất lục bát, hai câu bảy, rồi một câu lục một câu bát. Câu thứ ba có hai chữ tuyệt vời: Bóng Chũ. Phải chăng nhà thơ Lê Đạt ở Hà Nội đã đọc bài này trước khi in tập thơ Bóng Chũ cách đây vài năm? (nguồn: Khởi Hành 5/1999/Viên Linh)

Và một vài câu thơ trích trong bài viết của một người “bạn” Thầy: nhà văn Trần hữu Thục (*Trần Doãn Nho*) (***)

“... Trong ta là núi là rừng
Là trăm tiếng hát đã dừng trên môi” (*Thân phận/trong Tô Đông Pha*).

*Ngược xuôi nhớ nửa cung đàn
Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về* (*Lô Sơn/trong Tô Đông Pha*).

*Ngày mai sư xuống núi
Áo mỏng sờn đôi vai
Chuối hạt mòn năm tháng
Hương trầm lờ cuộc say
Bình minh sư xuống núi
Tóc trắng hờn sơn nhai
Phương đông mặt trời đỏ
Mùa hạ không mây bay
Ngày mai sư xuống núi
Phố thị bước đường cùng
Sư ho trong bóng tối
Điện Phật trầm mộng lung
Bình minh sư xuống núi
Khóe mắt còn rưng rưng
Vì sư yêu bóng tối
Ác mộng giữa đường rừng*

...

*Thời gian đi khắp khiêng
Để rụng phấn rơi hồng
Tơ nắng dài tâm sự
Bồi hồi mộng vẫn không*

– *Đã mấy nghìn năm đợi mỗi mòn
Bóng người cô độc giãm hoàng hôn
Bởi ta hôn đá phơi màu nắng
Ôm trọn bờ lau kín nỗi buồn*

– Từ thuở hồng hoang ta ở đâu
Quanh ta cây lá đã thay màu
Chợt nghe xao xuyến từng hơi thở
Thấp thoáng hồn ai trong khóm lau

Khi về anh nhớ cài quai nón
Mưa lạnh đèo cao không cỡi người...

Sẽ không ít người nhăn mặt khi đọc những bài thơ tình của một tu sĩ (?). Có gọi là nhân duyên không, khi 3 ông tu sĩ miền Nam: nổi tiếng, làm thơ tình hay làm thơ tình nổi tiếng, đều họ Phạm, mà tên lại bắt đầu bằng “Th” (tuy Phạm thiên Thư tên thật là Phạm Kim Long nhưng dường như không ai biết tên này cả?! Trước 1975, ông tu sĩ nhờ thơ tình mà nổi tiếng. Là Phạm thiên Thư. Một ông tu sĩ khác nổi tiếng về Triết nhưng có những bài thơ tình không nổi tiếng. Là Phạm công Thiện. Bây giờ, qua anh Trần Doãn Nho, tôi lại được biết thêm Thầy Tuệ Sỹ (Phạm văn Thương) cũng sáng tác thơ “tình” nhưng, theo anh Thục, đó là những bài thơ tình “thấm thiết, da diết, nồng nàn”.

Mắt em nhỏ ngại ngừng song cửa
Nghe tình ca trên giọt sương tan
Bóng tôi xa đêm dài phố thị
Nhớ con đường thơm ngọt môi em

...

Ôi nhớ làm sao, Em nhỏ ơi!
Từng đêm ngục tối mộng
Em cười Ta hôn tay áo thay làn tóc
Nghe đắng môi hồng lạnh tím người!

...

Cho ta chút nắng bên song cửa
Để vẽ hình Em theo bóng mây. (Cho ta chép nốt bài thơ ấy)

Em mắt biếc ngậy thơ ngày hội lớn
Khoé môi cười nắng quai cũng gây hao
Như cò trắng giữa đồng xanh bát ngát
Ta yêu người vì khoảnh khắc chiêm bao. (Thoáng chốc)

Công Nương bỏ quên chút hồn trên dấu lặng
Chuôi cadence ray rút ngón tay
Ấn sâu xuống ưu phiền trên phím trắng
Nửa phím cung chỏi nhịp lưu đày (Những điệp khúc cho dương cầm).

Trích thì trích, đăng thì đăng nhưng, có lẽ để viết riêng cho những ông bà khó tánh, anh Thục “chua” thêm:

“Dẫu vậy, như ta biết, trong đời sống, Tuệ Sỹ không hề vương vào con đường tục lụy. Lời thơ, tuy rất tình, nhưng nếu đọc kỹ, chúng chẳng hề mang mùi tục lụy. ‘Em’, ‘tóc rối’, ‘môi em’ hay ‘nụ hôn’ chứa đựng vẻ tinh khôi của một thứ tình cảm lý tưởng. ‘Yêu’ mà không ‘lụy’. ‘Tình’ nhưng không ‘dục’. Đó là ‘tình yêu thuần khiết’ (amour platonique), thứ tình cảm trai gái hoàn toàn không dính líu đến quan hệ thân xác hay những hình thức lãng mạn khác (hẹn hò, quà tặng...). Điều này không phải là hiếm hoi đối với những người hiến mình cho con đường tu tập, dù thuộc bất cứ tôn giáo nào. Một tình yêu như thế thường xuất phát từ sự tự chế hay từ sự ‘thăng hoa’ (sublimation), hiểu theo nghĩa phân tâm học. Yêu một người mà như yêu mọi người.”

Có lẽ qua kinh nghiệm sống nên anh Thục thêm vài hàng giải thích. Chứ theo tôi, cũng chả cần thiết mấy. Ai cũng biết Thầy Tuệ Sỹ cả rồi! Ngay cả cái nhà cầm quyền Hà Nội! 3 ông tu sĩ làm thơ tình, thì đã ông Thiện, ông Thư hoàn tục. Chỉ còn ông Thương tiếp tục bước Chân Như.

*Tánh “khó” thì đã “khó” rồi
Viết thêm cũng chả khiến người bớt... nhăn!*



Chính những bài thơ, những tấm ảnh (như trên đây), những đoạn video thu lúc Thầy đàn, mới cho tôi, một người “tục rất nhiều, chỉ một chút thanh... thanh (!)”, thấy gàn Thầy. Không thấy Thầy như một Cao tăng, đạo cao, đức trọng mà thấy Thầy như một người anh trong gia đình (Thầy bằng tuổi người chị thứ Sáu của tôi: đứa em út thứ 11), một người

anh hòa nhã, bao dung. Đúng như nhận xét của anh Viên Linh (ở trên): “Đó là một người thật, và còn vượt hơn cả cái thật của con người”.

Mấy tuần nay tôi đi chơi xa, cùng với một nhóm bạn mới quen: những anh chị làm “công quả” cho một ngôi chùa vùng ngoại ô Paris. Trong bữa dinner tối thứ năm (?) 23/11, trò chuyện với anh bạn ngồi kế bên, không biết sao chúng tôi nói sang Thầy Tuệ Sỹ. Tôi khoe đã đọc Thầy từ ngày còn học Lycee. Và “ca”: Thầy là một viên ngọc quý của Phật Giáo “chúng ta”, trăm năm mới có một! Anh bạn đồng ý 100%, và cũng cho biết thêm, bà xã anh (cũng người Quảng Bình, sinh ở Paksé) có cô bạn gái là em ruột Thầy Tuệ Sỹ. Lúc đó, tôi hoàn toàn không hay biết là Thầy đã bị bệnh nặng, phải vào nhà thương từ tháng 9! Trưa hôm sau, thứ sáu (?) 24/11, đang déjeuner trong nhà hàng, thì anh bạn đến khều vai cho hay: mới nghe tin Thầy Tuệ Sỹ “ra đi”! Bàng hoàng, tôi ú ớ, không biết nói gì. Rồi tiếp tục làm lủi ăn, mà cũng chả biết đang ăn gì! Tin Thầy Tuệ Sỹ đi đột ngột quá!

*Những người tôi yêu mến
Ngày càng xa rời tôi
Mốt mai ngồi ngoảnh lại
Biết còn ai quanh đời?*

Mặt Trời không có thật (Phạm Công Thiện)

*Nên Mặt Trời im hơi
Thầy Tuệ Sỹ có thật
Đã hương trầm lên khơi!!!*

*Sắc nào tức thị Sắc?
Không nào tức thị Không?
Sắc, Không nào cũng sẽ
Tan biến vào hư không!*

Về lại nhà gần 1 tuần nay, khuya nào tôi cũng giật mình thức giấc! Những tin tôi biết về Thầy, những hình ảnh của Thầy cứ lớn vờn trong đầu. Ngủ lại không được, tôi qua phòng sách đối diện, bật máy, đọc một số bài viết về Thầy Tuệ Sỹ!

*“Chuyện đã kể rồi hồng hoang lững thững
Vẫy tay chào nói gót chẳng buồn trông”.*

Chuyện sống, chuyện chết. Chuyện hết, chuyện còn. Chuyện kinh, chuyện tụng. Chuyện nhạc, chuyện thơ. Chuyện tù, chuyện bệnh. Chuyện bạn, chuyện thầy, v.v. Cuộc đời Thầy, ngoài những chuyện đã kể rồi, dấu cuối cuộc đời, cũng vẫn còn quá nhiều điều để kể. Biết đến bao giờ mới hết?! Có câu chuyện nào mà không có kết thúc? Thôi thì

“‘Không-kết-thúc’ cũng là một kết-thúc

Vẫy tay chào nỗi gót chằng buồn trông”!



Thầy ơi,

*“Khi đi Thầy có cài quai nón
Mưa ở Thiên Đàng, biết lạnh không?”*



BP

1/12/2023



(*) “Tuệ Sỹ, viên ngọc quý”/Nguyễn Hiền & Đức/2020

(**) <https://thuvienphatviet.com/tran-huu-thuc-thich-tue-sy-khuon-mat-tieu-bieu-cua-van-hoa-viet-nam>

(***) https://www.youtube.com/watch?v=cNbq_meZt88. Thầy Tuệ Sỹ đàn dương cầm.



*Nguồn: Internet eMail by **th** chuyển*

*Đăng ngày Thứ Sáu, December 1, 2023
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*